

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Hải Quân.
- Bà Hoàng Thị Bích Hà.

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Đàm Thành - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1993. Địa chỉ thường trú: Thôn E, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp:

1. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1989, địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường N, tỉnh Bắc Ninh, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 22/10/2025). Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1989, địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường V, tỉnh Bắc Ninh, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 22/10/2025). Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lục Văn M, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn E, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lục Văn H, sinh năm 1965. Vắng mặt.

2. Bà Lý Thị T, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã H, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 22/10/2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Lục Văn M kết hôn năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã H, tỉnh Lạng Sơn). Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh Lục Văn M làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn, năm 2019 chị đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), còn anh Lục Văn M đi lao động tại Trung Quốc, chị không biết địa chỉ cụ thể. Từ năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện tìm cách hóa giải mâu thuẫn, tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng không có kết quả, nên từ năm 2020 đến nay, vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không tồn tại nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lục Văn M.

Về con chung, vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lục Thị Hồng T, sinh ngày 12/7/2015. Hiện nay, cháu đang sinh sống cùng ông bà nội (là ông Lục Văn H, bà Lý Thị T - bố, mẹ đẻ của anh Lục Văn M) tại thôn E, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Do chị và anh Lục Văn M đều đang lao động ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên khi ly hôn, chị yêu cầu anh Lục Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi nhưng tạm giao cho ông Lục Văn H và bà Lý Thị T nuôi dưỡng cho đến khi anh Lục Văn M về nước sinh sống. Chị Nguyễn Thị M sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lục Văn M không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo hòa giải, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Kết quả xác minh tại nhà bố mẹ đẻ của anh Lục Văn M ở thôn E, xã H, thể hiện: Anh Lục Văn M có biết chị Nguyễn Thị M làm đơn khởi kiện ra Tòa án để xin ly hôn và giải quyết về vấn đề nuôi con chung do gia đình đã thông báo cho anh

Minh biết. Hiện nay, anh Lục Văn M đang đi lao động ở Trung Quốc từ khoảng năm 2018-2019 nhưng không biết có xuất cảnh hợp pháp không; thỉnh thoảng, anh Minh có gọi điện về nhưng không nói địa chỉ nên gia đình không biết địa chỉ cụ thể. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Mai và anh Minh cụ thể như thế nào, gia đình không nắm được nhưng cũng nhận thấy anh chị đã ly thân lâu năm, không còn tình cảm vợ chồng. Cách đây khoảng 02 năm, chị Mai có nộp đơn đề nghị giải quyết việc ly hôn nhưng sau đó chị Mai lại rút đơn. Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lục Thị Hồng T, sinh ngày 12/7/2015. Hiện nay, cháu đang sinh sống cùng ông bà nội tại thôn E, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn và giao cháu Thẩm cho anh Lục Văn M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng thì ông Hoa và bà Thúy đồng ý sẽ tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Thẩm cho đến khi anh Minh trở về địa phương.

Tòa án tiến hành lấy ý kiến của cháu Lục Thị Hồng T để xem xét nguyện vọng của cháu. Kết quả, cháu Lục Thị Hồng T có nguyện vọng muốn được ở cùng bố và ông bà nội, do từ bé, cháu đã được ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tòa án đã ban hành công văn đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp thông tin liên quan đến việc xuất cảnh của anh Lục Văn M để làm cơ sở tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, giải quyết vụ án; mặc dù đã đơn đốc nhưng Tòa án vẫn không nhận được văn bản phúc đáp của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an. Kết quả xác minh tại công an xã H, tỉnh Lạng Sơn thể hiện: Qua kiểm tra trên hệ thống, không có thông tin liên quan đến việc xuất cảnh của anh Lục Văn M. Hiện anh Minh không có mặt tại địa phương, không đăng ký tạm trú, không thực hiện khai báo nơi ở hiện tại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Lục Văn M. Giao cho anh Lục Văn M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lục Thị Hồng T sinh ngày 12/7/2015 cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; chị Nguyễn Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lục Thị Hồng T với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Thẩm đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lục Văn H và bà Lý Thị T về việc ông Lục Văn H và bà Lý Thị T sẽ

tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lục Thị Hồng T trong thời gian anh Lục Văn M vắng mặt tại địa phương nơi cư trú. Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự không có yêu cầu, không xem xét giải quyết. Về án phí, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về sự vắng mặt tại nơi cư trú của bị đơn anh Lục Văn M: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người thân thích của bị đơn trình bày rằng anh Lục Văn M đi lao động ở Trung Quốc từ khoảng năm 2018-2019; tuy nhiên, cả nguyên đơn và người thân thích của bị đơn đều không biết địa chỉ cụ thể của bị đơn. Người thân thích của bị đơn cung cấp thông tin thể hiện thỉnh thoảng bị đơn có gọi điện về nhà nhưng không nêu rõ địa chỉ cụ thể; người thân thích của bị đơn không cung cấp được địa chỉ của bị đơn cho Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[2] Về việc bị đơn có đang ở nước ngoài hay không: Nguyên đơn, người thân thích của bị đơn trình bày rằng anh Lục Văn M đang lao động ở Trung Quốc nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Kết quả xác minh tại công an xã H cũng thể hiện không có thông tin liên quan đến việc xuất cảnh của anh Lục Văn M. Tòa án đã ban hành công văn đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp các thông tin liên quan đến việc xuất cảnh của anh Lục Văn M nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm, Tòa án vẫn không nhận được văn bản phúc đáp của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an. Do vậy, chưa đủ cơ sở khẳng định anh Lục Văn M đang sinh sống, lao động tại nước ngoài; chỉ đủ cơ sở xác định anh Lục Văn M vắng mặt ở nơi cư trú không rõ thời điểm trở về, không đăng ký tạm trú, không thực hiện khai báo nơi ở hiện tại.

[3] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Chị Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Lục Văn M có nơi cư trú tại thôn E, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lục Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập, có đủ cơ sở để xác định: Chị Nguyễn Thị M và anh Lục Văn M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã H, tỉnh Lạng Sơn) vào năm 2013 và tổ chức hôn lễ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Lục Văn M là hoàn toàn hợp pháp.

[6] Về mâu thuẫn vợ chồng: Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú, có đủ cơ sở xác định quá trình chung sống, vợ chồng chị Nguyễn Thị M, anh Lục Văn M xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ lâu, mỗi người một nơi, không chung sống cùng nhau trong một thời gian dài, đời sống chung không tồn tại. Vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau.

[7] Điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, quy định:

“3. *“Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* là thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: ***Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng sống ly thân,...”***

[8] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được; vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[9] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Lục Văn M có 01 con chung là cháu Lục Thị Hồng T, sinh ngày 12/7/2015. Quá trình giải quyết, chị Nguyễn Thị M trình bày do chị và anh Lục Văn M đều đang lao động ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên khi ly hôn, chị yêu cầu anh Lục Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi nhưng tạm giao cho ông Lục Văn H, bà Lý Thị T nuôi dưỡng con chung cho đến khi anh Lục Văn M về nước sinh sống. Xét thấy, hiện tại cháu Lục Thị Hồng T đang sinh sống, học tập ổn định cùng ông bà nội tại thôn E, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình giải quyết vụ án, ông Lục Văn H và bà Lý Thị T cũng tự nguyện nhất trí là sẽ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lục Thị Hồng T cho đến khi anh Lục Văn M trở về địa phương sinh sống. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Lục Thị Hồng T là mong muốn được ở với bố và ông bà nội.

[10] Hội đồng xét xử xét thấy việc cháu Lục Thị Hồng T ở với bố và ông bà nội sẽ bảo đảm sự ổn định, không gây ảnh hưởng, không làm xáo trộn môi

trường sống, giáo dục của con chung. Mặt khác, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc) nên không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thẩm tại Việt Nam; chị Nguyễn Thị M cũng không có nguyện vọng yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M, giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

[11] Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông Lục Văn H và bà Lý Thị T về việc ông Hoa, bà Thúy sẽ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lục Thị Hồng T trong thời gian anh Lục Văn M vắng mặt tại địa phương nơi cư trú. Điều này hoàn toàn nhân văn, phù hợp với đạo đức xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không có căn cứ pháp luật theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để tạm giao cho ông Lục Văn H, bà Lý Thị T nuôi dưỡng cháu Thẩm cho đến khi anh Lục Văn M trở về địa phương sinh sống.

[12] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lục Văn M không đến Tòa án, không gửi bản tự khai trình bày ý kiến, yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng. Còn nguyên đơn chị Nguyễn Thị M tự nguyện sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; cấp dưỡng là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên; việc nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị M về việc chị Nguyễn Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lục Thị Hồng T với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu Thẩm đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật

[13] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[14] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng để nộp ngân sách Nhà nước.

[15] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đối với quan điểm về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra các nhận định, đánh giá phù hợp với đường lối giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[16] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118, khoản 2 Điều 123, khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Lục Văn M.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2013, quyển số 01/2013, đăng ký ngày 31/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn - nay là xã H, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Lục Văn M có 01 con chung là cháu Lục Thị Hồng T, sinh ngày 12/7/2015.

Khi ly hôn, giao cho anh Lục Văn M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lục Thị Hồng T đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị Nguyễn Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lục Thị Hồng T với số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/01 tháng cho đến khi cháu Lục Thị Hồng T trưởng thành, đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lục Văn H và bà Lý Thị T về việc ông Lục Văn H và bà Lý Thị T sẽ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lục Thị Hồng T trong thời gian anh Lục Văn M vắng mặt tại địa phương nơi cư trú.

4. Về tài sản chung, khoản nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nguyễn Thị M đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số: 0001238 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

- Án phí cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Lục Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 4 – Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 4 – Lạng Sơn;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Văn Đạt